

I. BIỂU LÃI SUẤT KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN – VND

BIỂU 1: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRẢ LÃI CUỐI KỲ, TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRẢ LÃI TRƯỚC, TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRẢ LÃI ĐỊNH KỲ (TẠI QUẦY VÀ ONLINE)

Áp dụng từ ngày 12/03/2025

THỜI HẠN	LÃI SUẤT (%/NĂM)						
	Trả lãi cuối kỳ		Trả lãi trước	Trả lãi hàng tháng		Trả lãi hàng quý	
	Tại quầy	Online	Tại quầy	Tại quầy	Online	Tại quầy	Online
Không kỳ hạn	0.50	0.50					
1 Tuần	0.50	0.50					
2 Tuần	0.50	0.50					
3 Tuần	0.50	0.50					
01 tháng	3.80	4.10	3.66				
02 tháng	3.80	4.20	3.66	3.79	4.19		
03 tháng	4.10	4.40	3.93	4.08	4.38		
04 tháng	4.30	4.70	4.12	4.27	4.67		
05 tháng	4.30	4.70	4.12	4.26	4.66		
06 tháng	5.30	5.50	5.03	5.24	5.43		
07 tháng	5.30	5.50	5.03	5.23	5.42		
08 tháng	5.30	5.50	5.03	5.21	5.41		
09 tháng	5.40	5.60	5.12	5.30	5.49		
10 tháng	5.40	5.70	5.12	5.29	5.58		
11 tháng	5.40	5.70	5.12	5.28	5.56		
12 tháng	5.70	5.80	5.39	5.55	5.65	5.58	5.67
13 tháng	5.70	5.80	5.39				
15 tháng	5.80	5.80	5.48				
18 tháng	5.90	5.90	5.57	5.66	5.66	5.69	5.69
24 tháng	5.90	5.90	5.57	5.59	5.59	5.61	5.61
36 tháng	5.90	5.90	5.57	5.44	5.44	5.46	5.46

Ghi chú: Đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tài khoản thanh toán, vốn chuyên dùng áp dụng bằng mức lãi suất Không kỳ hạn của biểu lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm lãi trả cuối kỳ.

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

BIỂU 2: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI
TIẾT KIỆM THÔNG MINH – SMARTSAVINGS

Áp dụng từ ngày 12/03/2025

Thời hạn gửi tiền thực tế	Lãi suất (%/năm)
Từ 30 đến 59 ngày	3.80
Từ 60 đến 89 ngày	3.80
Từ 90 đến 119 ngày	4.10
Từ 120 đến 149 ngày	4.30
Từ 150 đến 179 ngày	4.30
Từ 180 đến 209 ngày	5.30
Từ 210 đến 239 ngày	5.30
Từ 240 đến 269 ngày	5.30
Từ 270 đến 299 ngày	5.40
Từ 300 đến 329 ngày	5.40
Từ 330 đến 359 ngày	5.40
Từ 360 đến 389 ngày	5.70
Từ 390 đến 449 ngày	5.70
Từ 450 đến 539 ngày	5.80
Từ 540 đến 719 ngày	5.90
Từ 720 đến 899 ngày	5.90
Từ 900 đến 1079 ngày	5.90
Từ 1080 đến 1259 ngày	5.90
Từ 1260 đến 1439 ngày	5.90
Từ 1440 đến 1619 ngày	5.90
Từ 1620 ngày trở lên	5.90

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

**BIỂU 3: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TIẾT KIỆM
GỬI GÓP SIÊU LINH HOẠT TẠI QUẦY**

(Áp dụng đối với các trường hợp chưa tắt toán)

Áp dụng từ ngày 12/03/2025

Đơn vị tính :%/năm

Thời hạn gửi tiền thực tế của từng lần	Thời hạn của tài khoản tiết kiệm							
	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm
Dưới 1 tháng	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
1 tháng	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80
2 tháng	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80	3.80
3 tháng	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10
4 tháng	-	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30
5 tháng	-	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30	4.30
6 tháng	-	5.30	5.30	5.30	5.30	5.30	5.30	5.30
7 tháng	-	-	5.30	5.30	5.30	5.30	5.30	5.30
8 tháng	-	-	5.30	5.30	5.30	5.30	5.30	5.30
9 tháng	-	-	5.40	5.40	5.40	5.40	5.40	5.40
10 tháng	-	-	-	5.40	5.40	5.40	5.40	5.40
11 tháng	-	-	-	5.40	5.40	5.40	5.40	5.40
12 tháng	-	-	-	5.70	5.70	5.70	5.70	5.70
13 tháng	-	-	-	-	5.70	5.70	5.70	5.70
15 tháng	-	-	-	-	5.80	5.80	5.80	5.80
18 tháng	-	-	-	-	5.90	5.90	5.90	5.90
24 tháng đến dưới 36 tháng	-	-	-	-	5.90	5.90	5.90	5.90
36 tháng trở lên	-	-	-	-	-	5.90	5.90	5.90

Ghi chú: Các Tài khoản tiết kiệm theo các sản phẩm: Tích lũy an cư, Yêu thương cho con, Gửi góp siêu linh hoạt áp dụng mức lãi suất tại biểu này cho từng lần gửi tiền tương ứng theo thời hạn gửi tiền từng lần.

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

BIỂU 4: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG HEO ĐẤT 4.0

(Áp dụng đối với các trường hợp chưa tắt toán)

Áp dụng từ ngày 12/03/2025

Đơn vị tính: %/năm

Thời hạn gửi tiền thực tế của từng lần	Thời hạn của tài khoản tiết kiệm							
	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm
Dưới 1 tháng	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
1 tháng	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10	4.10
2 tháng	4.20	4.20	4.20	4.20	4.20	4.20	4.20	4.20
3 tháng	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40	4.40
4 tháng	-	4.70	4.70	4.70	4.70	4.70	4.70	4.70
5 tháng	-	4.70	4.70	4.70	4.70	4.70	4.70	4.70
6 tháng	-	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50
7 tháng	-	-	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50
8 tháng	-	-	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50
9 tháng	-	-	5.60	5.60	5.60	5.60	5.60	5.60
10 tháng	-	-	-	5.70	5.70	5.70	5.70	5.70
11 tháng	-	-	-	5.70	5.70	5.70	5.70	5.70
12 tháng	-	-	-	5.80	5.80	5.80	5.80	5.80
13 tháng	-	-	-	-	5.80	5.80	5.80	5.80
15 tháng	-	-	-	-	5.80	5.80	5.80	5.80
18 tháng	-	-	-	-	5.90	5.90	5.90	5.90
24 tháng đến dưới 36 tháng	-	-	-	-	5.90	5.90	5.90	5.90
36 tháng trở lên	-	-	-	-	-	5.90	5.90	5.90

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

BIỂU 5: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN*Áp dụng từ ngày 12/03/2025*

Thời hạn gửi tiền thực tế	Lãi suất VND (%/năm)	Lãi suất USD (%/năm)
Dưới 30 ngày	0.50	0.00
Từ 30 đến 59 ngày	3.80	0.00
Từ 60 đến 89 ngày	3.80	0.00
Từ 90 đến 119 ngày	4.10	0.00
Từ 120 đến 149 ngày	4.30	0.00
Từ 150 đến 179 ngày	4.30	0.00
Từ 180 đến 209 ngày	5.30	0.00
Từ 210 đến 239 ngày	5.30	0.00
Từ 240 đến 269 ngày	5.30	0.00
Từ 270 đến 299 ngày	5.40	0.00
Từ 300 đến 329 ngày	5.40	0.00
Từ 330 đến 359 ngày	5.40	0.00
Từ 360 đến 389 ngày	5.70	0.00
Từ 390 đến 449 ngày	5.70	0.00
Từ 450 đến 539 ngày	5.80	0.00
Từ 540 đến 719 ngày	5.90	0.00
Từ 720 đến 899 ngày	5.90	0.00
Từ 900 đến 1079 ngày	5.90	0.00
Từ 1080 đến 1259 ngày	5.90	0.00
Từ 1260 đến 1439 ngày	5.90	0.00
Từ 1440 đến 1619 ngày	5.90	0.00
Từ 1620 ngày trở lên	5.90	0.00

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

BIỂU 6: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN RÚT GÓC LINH HOẠT

Áp dụng từ ngày 12/03/2025

THỜI HẠN	LÃI SUẤT (%/NĂM)
Từ 180 ngày đến 209 ngày	5.30
Từ 360 ngày đến 389 ngày	5.70

Ghi chú:

- Đối với phần tiền gửi rút trước hạn: áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất cho khách hàng cá nhân của MBV tại thời điểm khách hàng rút trước hạn;
- Đối với phần tiền gửi còn lại: áp dụng mức lãi suất đang áp dụng đối với khoản tiền gửi mà khách hàng rút trước hạn một phần.

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

BIỂU 7: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TÍCH LŨY MỤC TIÊU
Áp dụng từ ngày 09/6/2025

Thời hạn	Lãi suất theo các mức tiền gửi (%/năm)					
	Dưới 10 triệu	Từ 10 triệu – dưới 20 triệu	Từ 20 triệu – dưới 30 triệu	Từ 30 triệu – dưới 40 triệu	Từ 40 triệu – dưới 50 triệu	Từ 50 triệu trở lên
03 tháng	4.15	4.20	4.25	4.30	4.35	4.40
06 tháng	4.50	4.55	4.60	4.65	4.70	4.75
12 tháng	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
24 tháng	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

BIỂU 8: LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRẢ LÃI NGÀY
Áp dụng từ ngày 14/07/2025

THỜI HẠN	LÃI SUẤT (%/NĂM)
3 tháng	4.35

Lưu ý: Thông tin về lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh MBV để biết thêm chi tiết.

II. BIỂU LÃI SUẤT KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN – USD

**LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TIẾT KIỆM
TRẢ LÃI CUỐI KỲ, TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRẢ LÃI TRƯỚC,
TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TRẢ LÃI ĐỊNH KỲ**

Áp dụng từ ngày 18/12/2015

THỜI HẠN	LÃI SUẤT (%/NĂM)			
	Trả lãi cuối kỳ	Trả lãi trước	Trả lãi hàng tháng	Trả lãi hàng quý
Không kỳ hạn	0.00			
1 Tuần	0.00			
2 Tuần	0.00			
3 Tuần	0.00			
01 tháng	0.00	0.00		
02 tháng	0.00	0.00	0.00	
03 tháng	0.00	0.00	0.00	
04 tháng	0.00	0.00	0.00	
05 tháng	0.00	0.00	0.00	
06 tháng	0.00	0.00	0.00	
07 tháng	0.00	0.00	0.00	
08 tháng	0.00	0.00	0.00	
09 tháng	0.00	0.00	0.00	
10 tháng	0.00	0.00	0.00	
11 tháng	0.00	0.00	0.00	
12 tháng	0.00	0.00	0.00	0.00
13 tháng	0.00	0.00		
15 tháng	0.00	0.00		
18 tháng	0.00	0.00	0.00	0.00
24 tháng	0.00	0.00	0.00	0.00
36 tháng	0.00	0.00	0.00	0.00